

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN 2019-2020

BỘ CÂU HỎI

CÂU HỎI CẤP 1

A. Quyền của Cổ đông

A.1	Quyền cơ bản của cổ đông	Tham chiếu nguyên tắc
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II: Quyền của Cổ đông và Chức năng Sở hữu Chính (A) Quyền cơ bản của cổ đông ngoài phải bao gồm quyền: (6) chia sẻ lợi nhuận của công ty.

A.2	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của công ty.	Tham chiếu nguyên tắc
Cổ đông có quyền tham gia:		
A.2.1	Sửa đổi qui chế công ty?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II: (B) Cổ đông phải có quyền thông qua hoặc tham gia, và được thông báo đầy đủ về, các quyết định liên quan đến những thay đổi cơ bản của công ty như: (1) sửa đổi các quy định, điều lệ của công ty hay các văn bản quản trị tương đương của công ty.
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (B): 2. cho phép phát hành thêm cổ phiếu.
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (B): 3. các giao dịch bất thường, bao gồm việc chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty.

A.3	Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết.	Tham chiếu nguyên tắc
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thủ lao (phí, thủ lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản tăng thủ lao cho thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị không điều hành?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C): 4. Phải tạo điều kiện để cổ đông tham gia hiệu quả vào việc ra các quyết định quản trị quan trọng của công ty, ví dụ việc đề cử và bầu chọn thành viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông có thể bày tỏ quan điểm của mình đối với chính sách thủ lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý chủ chốt. Thường cổ phiếu hoặc quyền mua cổ phiếu trong kế hoạch thủ lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và người lao động phải được sự chấp thuận của cổ đông.
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?	
A.3.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?	
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C): Cổ đông phải có cơ hội tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết.
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C): 3. Cổ đông phải có cơ hội đặt câu hỏi cho Hội đồng Quản trị, kể cả câu hỏi liên quan tới kiểm toán độc lập hàng năm, kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự của Đại

A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	hội đồng cổ đông, và đề xuất các giải pháp trong giới hạn hợp lý.
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C): và ICGN (2014) 1.4: Mọi thành viên HĐQT phải dành đủ thời gian cho HĐQT để thực hiện trách nhiệm của mình một cách hiệu quả, bao gồm việc cho phép nhiều thời gian cho những trường hợp được yêu cầu nhiều hơn về thời gian. Thành viên HĐQT nên nắm bắt được tình hình kinh doanh, sự vận hành của tổ chức và các thành viên quản lý cấp cao để đóng góp và việc thảo luận và các quyết định một cách hiệu quả.
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGD/Giám đốc Điều hành (nếu TGD/Giám đốc Điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C): 5. Cổ đông có thể biểu quyết trực tiếp hay vắng mặt và việc biểu quyết trực tiếp hay vắng mặt đều có hiệu lực ngang nhau.
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C): Cổ đông phải có cơ hội tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về qui định hợp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết.
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C): 1. Cổ đông cần được thông tin đầy đủ và kịp thời về thời gian, địa điểm và chương trình của các Đại hội đồng cổ đông cũng như thông tin đầy đủ và kịp thời về các vấn đề cần được thông qua tại các đại hội này.
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C): 3. Cổ đông phải có cơ hội đặt câu hỏi cho Hội đồng Quản trị, kể cả câu hỏi liên quan tới kiểm toán độc lập hàng năm, kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, và đề xuất các giải pháp trong giới hạn hợp lý.

A.4	Thị trường giao dịch đầu tư công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.	Tham chiếu nguyên tắc
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc đầu tư cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (H): Thị trường giao dịch đầu tư công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch. 1. Các quy định và thủ tục đối với việc đầu tư quyền kiểm soát công ty trong thị trường vốn và các giao dịch bất thường như sáp nhập và bán phần lớn tài sản của công ty phải được quy định và công bố rõ ràng để các nhà đầu tư hiểu được quyền và phương thức trợ giúp đối với mình. Các giao dịch phải diễn ra với mức giá minh bạch và trong điều kiện công bằng, bảo vệ quyền lợi của tất cả các cổ đông theo đúng loại của họ.
A.5	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.	Tham chiếu nguyên tắc

A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (D): Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cơ bản, được định nghĩa trong bộ nguyên tắc cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.
-------	---	---

B. Đối xử Bình đẳng với Cổ đông

B.1	Cổ phiếu và quyền biểu quyết	Tham chiếu nguyên tắc
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II: (E) Tất cả cổ đông sở hữu cùng loại cổ phiếu cần phải được đối xử bình đẳng. Cấu trúc vốn và một số sự sắp xếp khiến cho cổ đông có mức độ ảnh hưởng và kiểm soát không cân đối với quyền sở hữu vốn của họ cần phải được công bố.
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?	1. Mọi cổ phiếu cùng loại và cùng một đợt phát hành đều có quyền phụ thuộc. Nhà đầu tư trước khi mua cần được

B.2	Thông báo ĐHĐCĐ	Tham chiếu nguyên tắc
B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II: (C) Cổ đông phải có cơ hội tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết:
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	1. Cổ đông cần được thông tin đầy đủ và kịp thời về thời gian, địa điểm và chương trình của các Đại hội đồng cổ đông cũng như thông tin đầy đủ và kịp thời về các vấn đề cần được thông qua tại các đại hội này.
Thông báo về ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:		
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bỏ nhiệm vụ đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các công ty niêm yết khác)?	2. Quy trình và thủ tục họp cổ đông phải đối xử công bằng với tất cả các cổ đông. Các thủ tục của công ty không nên thực hiện một cách khó khăn hoặc tốn kém. 4. Phải tạo điều kiện để cổ đông tham gia hiệu quả vào việc ra các quyết định quản trị quan trọng của công ty, ví dụ việc đề cử và bầu chọn thành viên Hội đồng Quản trị.
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	5. Cổ đông nên được biểu quyết trực tiếp hoặc vắng mặt
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	Nguyên tắc ICGN

B.3	Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân.	Tham chiếu nguyên tắc
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) III (E) Phải cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	ICGN 4. Văn hóa công ty 4.5 Cổ phiếu cho nhân viên Mua bán cổ phiếu bởi nhân viên công ty

B.4	Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao.	Tham chiếu nguyên tắc
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II: (F) Giao dịch bên liên quan cần được thông qua và tiến hành theo cách thức đảm bảo sự quản lý hợp lý xung đột lợi ích và bảo vệ lợi ích của công ty và các cổ đông.
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	1. Các xung đột lợi ích vốn có trong các giao dịch của bên liên quan cần được giải quyết. 2. Thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý cấp cao phải công khai cho Hội đồng Quản trị biết họ có lợi ích đáng kể nào trong bất kỳ một giao dịch hay vấn đề gì ảnh hưởng trực tiếp tới công ty hay không, cho dù là trực tiếp, gián tiếp hay thay mặt cho bên thứ ba.
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	

B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó qui định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	ICGN 9.3 Xung đột lợi ích của thành viên HĐQT Các công ty phải có quy trình xác định và quản lý xung đột lợi ích tiềm tàng của thành viên HĐQT. Nếu một thành viên HĐQT có lợi ích trong một vấn đề đang được HĐQT xem
-------	--	--

B.5	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng	Tham chiếu nguyên tắc
------------	---	------------------------------

B.5 Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng		
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II: (E) Tất cả các cổ đông cùng loại cần được đối xử bình đẳng như nhau. (F) Giao dịch bên liên quan cần được thông qua và tiến hành theo cách thức đảm bảo sự quản lý hợp lý xung đột lợi ích và bảo vệ lợi ích của công ty và các cổ đông. (G) Cổ đông thiểu số phải được bảo vệ khỏi các hành động lạm dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi hoặc vì lợi ích của các cổ đông nắm quyền kiểm soát, và họ cần có các phương tiện khiếu nại hiệu quả. ICGN 9.3 Xung đột lợi ích của thành viên HĐQT Các công ty phải có quy trình xác định và quản lý xung đột lợi ích tiềm tàng của thành viên HĐQT. Nếu một thành viên HĐQT có lợi ích trong một vấn đề đang được HĐQT xem xét, khi đó thành viên HĐQT đó không nên tham gia thảo luận và HĐQT cần tuân thủ các quy trình phù hợp khác. Từng thành viên HĐQT phải có ý thức về nhận thức của cổ đông và cộng chúng và tìm cách tránh các tình huống xuất
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II: (G) Các cổ đông thiểu số phải được bảo vệ trước các hành vi lạm dụng bởi/hoặc vì lợi ích của việc kiểm soát hành động của các cổ đông một cách trực tiếp hay gián tiếp và phải có biện pháp khắc phục hiệu quả. Nghiêm cấm sử dụng bạo lực. ICGN 9.5 Quyền phê duyệt của cổ đông Cổ đông có quyền phê duyệt các giao dịch lớn của bên liên quan và điều này phải dựa trên sự chấp thuận của đa số cổ đông không liên quan lợi ích. ICGN 9.10 Quyền bình đẳng và giải quyết Các cổ đông thiểu số phải được bảo vệ trước các hành vi lạm dụng bởi/hoặc vì lợi ích của việc kiểm soát hành động của các cổ đông một cách trực tiếp hay gián tiếp và phải có biện pháp khắc phục hiệu quả.

C. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan

C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.	Tham chiếu nguyên tắc
Công ty có công bố chính sách và các thực hành về:		
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (A): Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng. Ở tất cả các quốc gia thuộc OECD quyền của các bên có quyền lợi liên quan được quy định bởi pháp luật (ví dụ, luật lao động, luật kinh doanh, luật thương mại và luật phá sản) hoặc các quan hệ hợp đồng. Ngay cả ở những nơi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan không
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững ?	

C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	được pháp luật quy định thì nhiều công ty thường cam kết thêm với các bên có quyền lợi liên quan và việc quan tâm tới danh tiếng và hiệu quả của công ty thường đòi hỏi phải chấp nhận những lợi ích lớn hơn cho các đối tượng này.
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	

C.2 Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm.		Tham chiếu nguyên tắc
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (B): Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm. Khuôn khổ và quy trình pháp lý cần minh bạch và không cản trở việc các bên có quyền lợi liên quan trao đổi và khiếu nại khi quyền của họ bị vi phạm

C.3 Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng.		Tham chiếu nguyên tắc
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (C): Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng. Trong quản trị công ty, các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động có thể làm lợi cho công ty trực tiếp cũng như gián tiếp qua việc họ sẵn sàng đầu tư nâng cao các kỹ năng đáp ứng nhu cầu riêng biệt của công ty. Kỹ năng đáp ứng nhu cầu riêng biệt của công ty là những
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	

C.4 Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.		Tham chiếu nguyên tắc
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường	Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (E): Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền của họ.
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?	

D. Công bố thông tin và Minh bạch

D.1 Cấu trúc sở hữu minh bạch		Tham chiếu nguyên tắc
D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) V: Công bố thông tin và Minh bạch

D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	<p>(A) Công bố thông tin phải bao gồm, nhưng không hạn chế, các thông tin quan trọng về:</p> <p>3. Sở hữu cổ phần đa số và quyền biểu quyết, bao gồm cơ cấu của một tập đoàn và quan hệ giữa các công ty trong tập đoàn, số liệu về sở hữu, và người thụ hưởng quyền sở hữu thực sự.</p> <p>ICGN 7.6 Công bố về quyền sở hữu</p> <p>... việc công bố phải bao gồm mô tả về mối quan hệ của công ty với các công ty khác trong tập đoàn, dữ liệu về cổ đông lớn và bất kỳ thông tin nào khác cần thiết để hiểu rõ</p>
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?	
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành?	
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/ (SPV)?	

D.2 Chất lượng của báo cáo thường niên		Tham chiếu nguyên tắc
Báo cáo thường niên của công ty có công bố những nội dung sau:		
D.2.1	Mục tiêu của công ty	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A):</p> <ol style="list-style-type: none"> Kết quả tài chính và hoạt động của công ty; Mục tiêu của công ty, bao gồm các cam kết về đạo đức kinh doanh, môi trường và các cam kết chính sách cộng đồng khác; Sở hữu cổ phần đa số và quyền biểu quyết, bao gồm cơ cấu của một tập đoàn và quan hệ giữa các công ty trong tập đoàn, số liệu về sở hữu, và người thụ hưởng quyền sở hữu thực sự; Chính sách thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao, bao gồm trình độ, quy trình tuyển chọn, các vị trí đang nắm giữ tại công ty khác và liệu họ có được Hội đồng Quản trị coi là độc lập hay không; Các yếu tố rủi ro có thể tiên liệu, bao gồm hệ thống quản lý rủi ro; Các vấn đề liên quan đến người lao động và các bên có quyền lợi liên quan khác; Cơ cấu và chính sách quản trị, cụ thể là nội dung của bất kỳ quy tắc hoặc chính sách quản trị nào và quy trình
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	
D.2.4	Chính sách cổ tức	
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm	
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT	
Tuyên bố Khẳng định về Quản trị Công ty		

D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A) (8)</p> <p>QUY ĐỊNH CỦA ANH (THÁNG 6/2010): Quy định về niêm yết 9.8.6 R (đối với các công ty được thành lập ở Anh) và 9.8.7 R (đối với các công ty được thành lập ở nước ngoài) quy định rằng trong trường hợp một công ty niêm yết cổ phiếu phổ thông, những nội dung sau đây phải được đưa vào báo cáo thường niên của công ty: trình bày về cách công ty niêm yết đã áp dụng những Nguyên tắc Chính quy định tại Quy định QTCT Anh, theo cách có thể cho phép cổ đông đánh giá cách những nguyên tắc này đã được áp dụng; trình bày về việc công ty niêm yết có tuân thủ các quy định tại Quy định QTCT Anh trong suốt kỳ kế toán; hoặc không tuân thủ các quy định tại Quy định QTCT Anh trong suốt kỳ kế toán, và nếu có, đặt ra: (i) các quy định, nếu có, chưa được tuân thủ; (ii) trong trường hợp các quy định mà yêu cầu về nó có bản chất tiếp nối, giai đoạn, nếu có, mà công ty không tuân thủ với một số hoặc toàn bộ các quy định đó; và (iii) lý do cho tình trạng không tuân thủ của công ty.</p> <p>QUY ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN ÚC (ASX): Theo Quy định Niêm yết của ASX 4.10.3, trong báo cáo thường niên, các công ty phải cung cấp trình bày để công bố mức độ tuân thủ các Khuyến nghị trong giai đoạn báo cáo. Trường hợp các công ty chưa tuân thủ tất cả các Khuyến nghị, công ty đó phải xác định các Khuyến nghị chưa được tuân thủ và đưa ra lý do cho việc không tuân thủ. Báo cáo thường niên không loại trừ nghĩa vụ công bố theo Quy định Niêm yết ASX 3.1.</p>
-------	---	--

D.3. Công bố Giao dịch bên liên quan (GDBLQ)		Tham chiếu nguyên tắc
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trong yếu/quan trọng?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) V: Công bố thông tin và minh bạch (A) Công bố thông tin phải bao gồm, nhưng không hạn chế, các thông tin quan trọng về: 5. Giao dịch bên liên quan</p>
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trong yếu/quan trọng?	

D.4 Thành viên/ủy viên HĐQT giao dịch cổ phiếu của công ty		Tham chiếu nguyên tắc
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người người nội bộ của công ty thực hiện?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A) 3. Sở hữu cổ phần đa số và quyền biểu quyết</p> <p>ICGN 3.5 Mua bán cổ phiếu bởi nhân viên công ty Các công ty phải có quy định rõ ràng về việc thành viên HĐQT và nhân viên giao dịch chứng khoán của chính công ty.</p> <p>ICGN 5.5 Sở hữu cổ phần Mọi công ty phải có và công bố một chính sách về việc cán bộ quản lý và thành viên HĐQT sở hữu cổ phần của công ty với mục tiêu hòa hợp lợi ích của những lãnh đạo cao cấp này với lợi ích của cổ đông.</p>

D.5 Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán		Tham chiếu nguyên tắc
Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán		
D.5.1	Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (C) Kiểm toán hàng năm phải được tiến hành bởi một đơn vị kiểm toán độc lập, có thẩm quyền và đủ năng lực nhằm cung cấp ý kiến đánh giá độc lập và khách quan cho Hội</p>
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	

D.6 Phương tiện truyền thông		Tham chiếu nguyên tắc
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây?		
D.6.1	Báo cáo quý	Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (E) Các kênh phổ biến thông tin phải tạo điều kiện tiếp cận thông tin bình đẳng, kịp thời và hiệu quả cho người sử dụng.
D.6.2	Trang thông tin điện tử của công ty	
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	

D.7 Nộp/công bố báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn		Tham chiếu nguyên tắc
D.7.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	Nguyên tắc OECD VI (C) Nguyên tắc OECD VI (E) Nguyên tắc OECD VI (A). ICGN 7.2 Công bố thông tin kịp thời ICGN 7.3 Khẳng định về Báo cáo Tài chính Thành viên HĐQT và lãnh đạo công ty phải khẳng định tối thiểu hàng năm về tính chính xác của Báo cáo Tài chính
D.7.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	

D.8 Trang thông tin điện tử của công ty		Tham chiếu nguyên tắc
Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về:		
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (A) Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E) ICGN 7.1 Truyền thông minh bạch và cởi mở ICGN 7.2 Công bố thông tin kịp thời
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	
D.8.5	Biên bản họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	

D.9 Quan hệ nhà đầu tư		Tham chiếu nguyên tắc
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (vd: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	ICGN 7.1 Truyền thông minh bạch và cởi mở

E. Trách nhiệm của HĐQT

E.1 Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT		Tham chiếu nguyên tắc
Trách nhiệm của HĐQT và qui chế quản trị công ty được xác định rõ ràng		
E.1.1	Công ty có công bố qui chế quản trị công ty / điều lệ hoạt động của HĐQT?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) V: Công bố thông tin và minh bạch (A) Công bố thông tin phải bao gồm, nhưng không hạn chế, các thông tin quan trọng về: 9. Cơ cấu và chính sách quản trị, cụ thể là nội dung của bất kỳ quy tắc hoặc chính sách quản trị nào và quá trình thực hiện quy tắc hoặc chính sách đó.

E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI: Trách nhiệm của HĐQT (D) Hội đồng Quản trị phải thực hiện các chức năng chủ yếu bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xem xét và định hướng chiến lược công ty, các kế hoạch hoạt động cơ bản, chính sách rủi ro, ngân sách và kế hoạch kinh doanh hàng năm; đặt ra các mục tiêu hoạt động, theo dõi việc thực hiện mục tiêu và hoạt động của công ty; giám sát các hoạt động đầu tư vốn, thu tóm và thoái vốn quan trọng. 2. Giám sát hiệu quả các hoạt động quản trị công ty và thực hiện các thay đổi khi cần thiết. 3. Lựa chọn, thù lao, giám sát và thay thế các cán bộ quản lý then chốt khi cần thiết và giám sát quy hoạch cán bộ kế cận. 4. Gắn mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và Hội đồng Quản trị với lợi ích lâu dài của công ty và cổ đông.
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	<ol style="list-style-type: none"> 5. Đảm bảo sự nghiêm túc và minh bạch của quy trình đề cử và bầu Hội đồng Quản trị. 6. Giám sát và xử lý các xung đột lợi ích tiềm ẩn của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và cổ đông, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lợi dụng các giao dịch bên liên quan. 7. Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của công ty, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập, và bảo đảm rằng các hệ thống kiểm soát phù hợp luôn hoạt động, đặc biệt là các hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính và hoạt động, tuân thủ theo pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan. 8. Giám sát quy trình công bố thông tin và truyền đạt thông tin.
Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty		
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI: Trách nhiệm của HĐQT ICGN (2014): 4.1 Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức</p> <p>Hội đồng Quản trị phải áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức cao, phải quan tâm tới lợi ích của cổ đông.</p> <p>HĐQT chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện và duy trì văn hóa chính trực. HĐQT cần khuyến khích văn hóa chính trực thấm nhuần trong mọi khía cạnh của công ty, và bảo đảm để tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của công ty có tính vững mạnh về đạo đức. Bộ quy tắc nên được truyền thông và lồng ghép hiệu quả vào chiến lược và hoạt động của công ty, bao gồm hệ thống quản lý</p>
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI: Trách nhiệm của HĐQT (D) Hội đồng Quản trị phải thực hiện các chức năng chủ yếu bao gồm:</p> <p>Xem xét và định hướng chiến lược công ty, các kế hoạch hoạt động cơ bản, chính sách rủi ro, ngân sách và kế hoạch kinh doanh hàng năm; đặt ra các mục tiêu hoạt động, theo dõi việc thực hiện mục tiêu và hoạt động của công ty; giám sát các hoạt động đầu tư vốn, thu tóm và thoái vốn chủ yếu.</p>

E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	<p>ICGN (2014): 4.1 Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức Hội đồng Quản trị phải áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức cao, phải quan tâm tới lợi ích của cổ đông. HĐQT chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện và duy trì văn hóa chính trực. HĐQT cần khuyến khích văn hóa chính trực thấm nhuần trong mọi khía cạnh của công ty, và bảo đảm để tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của công ty có tính vững mạnh về đạo đức. Bộ quy tắc nên được truyền thông và lồng ghép hiệu quả vào chiến lược và hoạt động của công ty, bao gồm hệ thống quản lý rủi ro và cơ cấu thù lao.</p> <p>ICGN (2014): 1.2 Trách nhiệm Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông và các bên liên quan và có trách nhiệm bảo vệ và tạo ra giá trị bền vững trong dài hạn. Để hoàn thành vai trò một cách hiệu quả, thành viên HĐQT cần: a) hướng dẫn, xem xét và thông qua chiến lược và kế hoạch tài chính của công ty, bao gồm các hoạt động chi tiêu chủ yếu và hoạt động mua bán sáp nhập</p>
-------	---	--

E.2 Cơ cấu HĐQT		Tham chiếu nguyên tắc
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử		
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (C) Hội đồng Quản trị phải áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức cao, phải quan tâm tới lợi ích của cổ đông. Hội đồng Quản trị có vai trò then chốt trong việc thiết lập chuẩn mực đạo đức của công ty, không chỉ bằng hành động của mình mà còn bằng việc bổ nhiệm và giám sát các cán bộ quản lý chủ chốt và ban lãnh đạo công ty nói chung. Các chuẩn mực đạo đức cao đem lại lợi ích dài hạn cho công ty, là phương tiện để giúp nâng cao uy tín và độ tin cậy của công ty, không chỉ trong hoạt động hàng ngày mà còn liên quan tới tương lai lâu dài của công ty. Để giúp các mục tiêu của Hội đồng Quản trị được rõ ràng và khả thi, nhiều công ty đã xây dựng bộ quy tắc đạo đức dựa trên các tiêu chuẩn nghề nghiệp, và đôi khi phát triển rộng hơn thành bộ quy tắc ứng xử. Bộ quy tắc ứng xử có thể bao gồm một cam kết tự nguyện của công ty (gồm cả các công ty con) tuân thủ Các Nguyên tắc Chỉ đạo đối với Công ty Đa Quốc gia của OECD, trong đó phản ánh tất cả bốn nguyên tắc trong Tuyên bố về Quyền Lao động Cơ bản của ILO. Các quy tắc áp dụng rộng rãi trong công ty giữ vai trò chuẩn mực đạo đức cho cả Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý chủ chốt, tạo khuôn khổ cho việc đánh giá, xử lý các vấn đề liên quan đến các nhóm cổ đông khác nhau và có lợi ích xung đột. Tối thiểu, quy tắc đạo đức phải định ra giới hạn rõ ràng đối với việc mưu cầu lợi ích cá nhân, bao gồm việc mua bán cổ phần công ty. Một khuôn khổ đạo đức toàn diện vượt ra ngoài việc tuân thủ pháp luật luôn được coi là một yêu cầu cơ bản.</p>
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	
Thành phần và cơ cấu của Hội đồng Quản trị.		
E.2.4	Thành viên HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên HĐQT?	<p>Nguyên tắc G20/OECD VI: Trách nhiệm của HĐQT (E) Hội đồng Quản trị phải có khả năng đưa ra phán quyết độc lập, khách quan về các vấn đề của công ty</p>
E.2.5	<p>Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm¹ đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập?</p> <p>¹Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011</p>	<p>QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016) B.2.3 Thành viên HĐQT không điều hành phải được bổ nhiệm với nhiệm kỳ xác định và tuân thủ quy định về bầu lại và quy định của luật pháp liên quan đến miễn nhiệm thành viên HĐQT. Bất kỳ nhiệm kỳ nào ngoài sáu năm cho một thành viên HĐQT không điều hành phải được xem xét nghiêm ngặt, và tính đến nhu cầu của thường xuyên đổi mới HĐQT và vấn đề kế nhiệm các vị trí trong HĐQT và lãnh đạo cấp cao, để duy trì sự cân bằng phù hợp giữa kỹ năng và kinh nghiệm trong công ty và trong HĐQT.</p>

E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E):</p> <p>3. Thành viên Hội đồng Quản trị phải cam kết thực hiện các trách nhiệm của mình một cách hiệu quả:</p> <p>Tham gia vào quá nhiều Hội đồng Quản trị có thể ảnh hưởng tới hiệu quả của thành viên Hội đồng Quản trị. Công ty có thể yêu cầu xem xét liệu việc một cá nhân là thành viên của nhiều Hội đồng Quản trị có ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị hay không và công bố thông tin cho cổ đông. Một số quốc gia hạn chế số lượng Hội đồng Quản trị mà một cá nhân có thể tham gia.</p>
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	<p>Tuy nhiên, các giới hạn cụ thể có thể ít quan trọng hơn việc đảm bảo thành viên Hội đồng Quản trị hoạt động chính đáng và có được sự tin cậy trong con mắt của cổ đông. Điều này được tăng cường bởi việc công bố số lần dự họp của từng thành viên Hội đồng Quản trị (chẳng hạn, họ có vắng mặt nhiều tại các cuộc họp hay không) và bất kỳ công việc gì được thực hiện thay mặt Hội đồng Quản trị và chế độ thù lao liên quan.</p>
Tiểu ban nhân sự		
E.2.8	Công ty có Tiểu ban Nhân sự hay không?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) II:</p> <p>(C) Phải tạo điều kiện để cổ đông tham gia hiệu quả vào việc ra các quyết định quản trị quan trọng của công ty, ví dụ việc đề cử và bầu chọn thành viên Hội đồng Quản trị:</p> <p>Đối với việc đề cử ứng viên, Hội đồng Quản trị của nhiều công ty thành lập ủy ban đề cử để đảm bảo tuân thủ các thủ tục đề cử đã được xây dựng và để tạo điều kiện thuận lợi và tổ chức hiệu quả việc tìm kiếm một Hội đồng Quản trị cân bằng và có trình độ. Ở nhiều quốc gia việc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có vai trò then chốt trong ủy ban này ngày càng được coi là một thông lệ tốt. Để cải tiến quá trình bầu cử hơn nữa, Nguyên tắc Quản trị Công ty OECD cũng đòi hỏi phải công bố đầy đủ kinh nghiệm và lai lịch của các ứng cử viên Hội đồng Quản trị và quy trình đề cử, giúp cung cấp đầy đủ thông tin cho việc đánh giá năng lực và sự phù hợp của từng ứng cử viên.</p> <p>Việc công nhận bên độc lập trong thành phần của Tiểu ban nhân sự có thể được tính là thành viên của tiểu ban. Tuy nhiên, để đạt điểm "Y", bên độc lập phải đáp ứng yêu cầu về độc lập và có các nghĩa vụ ủy thác. Hơn nữa, hồ sơ của họ phải được công bố công khai và phải được sự đồng ý của HĐQT.</p>
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>1. Hội đồng Quản trị phải xem xét việc bổ nhiệm một số lượng đủ các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có khả năng đưa ra phán quyết độc lập đối với các vấn đề khi tiềm ẩn xung đột về lợi ích. Ví dụ như đảm bảo tính trung thực của các báo cáo tài chính và phi tài chính, xem xét lại các giao dịch liên quan tới bên thứ ba, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý chủ chốt và thù lao cho Hội đồng Quản trị.</p>
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>1. Hội đồng Quản trị phải xem xét việc bổ nhiệm một số lượng đủ các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có khả năng đưa ra phán quyết độc lập đối với các vấn đề khi tiềm ẩn xung đột về lợi ích. Ví dụ như đảm bảo tính trung thực của các báo cáo tài chính và phi tài chính, xem xét lại các giao dịch liên quan tới bên thứ ba, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý chủ chốt và thù lao cho Hội đồng Quản trị.</p>

E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>2. HĐQT nên xem xét thành lập các ủy ban chuyên trách để hỗ trợ toàn thể HĐQT trong việc thực hiện các chức năng của mình, đặc biệt là về kiểm toán, và tùy thuộc vào quy mô và rủi ro của công ty cũng như quản lý rủi ro và thù lao. Khi các ủy ban của HĐQT được thành lập, nhiệm vụ, thành phần và thủ tục làm việc của họ phải được ban giám đốc xác định và công khai.</p> <p>Trong khi việc sử dụng các ủy ban có thể nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Quản trị thì các ủy ban này cũng đặt ra các câu hỏi về trách nhiệm tập thể của Hội đồng Quản trị và của từng cá nhân thành viên Hội đồng Quản trị. Vì vậy để đánh giá thành tích của các ủy ban, thị trường cần được cung cấp một bức tranh hoàn chỉnh và rõ ràng về mục đích, nhiệm vụ và thành phần của chúng. Thông tin như vậy đặc biệt quan trọng ở những nước nơi Hội đồng Quản trị thành lập Ủy ban Kiểm toán độc lập, có quyền giám sát mối quan hệ của công ty với đơn vị kiểm toán độc lập và hoạt động độc lập trong nhiều trường hợp. Các ủy ban khác của Hội đồng Quản trị bao gồm ủy ban đề cử và lương thưởng. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại và Hội đồng Quản trị nói chung cũng cần rõ ràng. Công bố thông tin không áp dụng cho những ủy ban được thành lập để giải quyết các giao dịch thương mại mật.</p> <p>Với trách nhiệm của UBĐC được quy định trong quy tắc quản trị công ty, UBĐC không có khả năng hoàn thành những trách nhiệm này một cách hiệu quả nếu chỉ họp một lần mỗi năm. Trên toàn cầu, UBĐC của các công ty lớn nên họp vài lần một năm.</p>
Tiểu ban Thù lao/ Lương thưởng		
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thù lao không?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>4. Gắn mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và Hội đồng Quản trị với lợi ích lâu dài của công ty và cổ đông.</p> <p>Ngày càng có nhiều quốc gia coi việc Hội đồng Quản trị xây dựng và công bố chính sách thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao là thông lệ tốt. Điều được coi là thông lệ tốt ở ngày càng nhiều quốc gia là chính sách thù lao và hợp đồng tuyển dụng đối với thành viên Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý chủ chốt được quản lý bởi một ủy ban đặc biệt của Hội đồng Quản trị bao gồm toàn bộ hoặc đa số các thành viên độc lập. Ngoài ra Ủy ban lương thưởng cũng được kêu gọi thành lập, không bao gồm các cán bộ quản lý hoạt động trong ủy ban lương thưởng của nhau trong các hội đồng quản trị khác, vì việc này có thể dẫn tới xung đột lợi ích.</p>
E.2.14	Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thù lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?	

E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Thù lao?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>2. Khi các ủy ban của Hội đồng Quản trị được thành lập, thẩm quyền, thành phần và quy trình hoạt động của các ủy ban phải được Hội đồng Quản trị quy định và công bố rõ ràng.</p> <p>Trong khi việc sử dụng các ủy ban có thể nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Quản trị thì các ủy ban này cũng đặt ra các câu hỏi về trách nhiệm tập thể của Hội đồng Quản trị và của từng cá nhân thành viên Hội đồng Quản trị. Vì vậy để đánh giá thành tích của các ủy ban, thị trường cần được cung cấp một bức tranh hoàn chỉnh và rõ ràng về mục đích, nhiệm vụ và thành phần của chúng. Thông tin như vậy đặc biệt quan trọng ở những nước nơi Hội đồng Quản trị thành lập Ủy ban Kiểm toán độc lập, có quyền giám sát mối quan hệ của công ty với đơn vị kiểm toán độc lập và hoạt động độc lập trong nhiều trường hợp. Các ủy ban khác của Hội đồng Quản trị bao gồm ủy ban đề cử và lương thưởng. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại và Hội đồng Quản trị nói chung cũng cần rõ ràng. Công bố thông tin không áp dụng cho những ủy ban được thành lập để giải quyết các giao dịch thương mại mật.</p> <p>Với trách nhiệm của UBĐC được quy định trong quy tắc quản trị công ty, UBĐC không có khả năng hoàn thành những trách nhiệm này một cách hiệu quả nếu chỉ họp một lần mỗi năm. Trên toàn cầu, UBĐC của các công ty lớn nên họp vài lần một năm.</p>
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thù lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thù lao có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>(1) Hội đồng Quản trị phải xem xét việc bổ nhiệm một số lượng đủ các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có khả năng đưa ra phán quyết độc lập đối với các vấn đề khi tiềm ẩn xung đột về lợi ích. Ví dụ như đảm bảo tính trung thực của các báo cáo tài chính và phi tài chính, xem xét lại các giao dịch liên quan tới bên thứ ba, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý chủ chốt và thù lao cho Hội đồng Quản trị.</p> <p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>2. Khi các ủy ban của Hội đồng Quản trị được thành lập, thẩm quyền, thành phần và quy trình hoạt động của các ủy ban phải được Hội đồng Quản trị quy định và công bố rõ ràng.</p> <p>Trong khi việc sử dụng các ủy ban có thể nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Quản trị thì các ủy ban này cũng đặt ra các câu hỏi về trách nhiệm tập thể của Hội đồng Quản trị và của từng cá nhân thành viên Hội đồng Quản trị. Vì vậy để đánh giá thành tích của các ủy ban, thị trường cần được cung cấp một bức tranh hoàn chỉnh và rõ ràng về mục đích, nhiệm vụ và thành phần của chúng. Thông tin như vậy đặc biệt quan trọng ở những nước nơi Hội đồng Quản trị thành lập Ủy ban Kiểm toán độc lập, có quyền giám sát mối quan hệ của công ty với đơn vị kiểm toán độc lập và hoạt động độc lập trong nhiều trường hợp. Các ủy ban khác của Hội đồng Quản trị bao gồm ủy ban đề cử và lương thưởng. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại và Hội đồng Quản trị nói chung cũng cần rõ ràng. Công bố thông tin không áp dụng cho những ủy ban được thành lập để giải quyết các giao dịch thương mại mật.</p> <p>Việc công nhận bên độc lập trong thành phần của Tiểu ban Kiểm</p>
Tiểu ban Kiểm toán		
E.2.18	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>(1) Hội đồng Quản trị phải xem xét việc bổ nhiệm một số lượng đủ các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có khả năng đưa ra phán quyết độc lập đối với các vấn đề khi tiềm ẩn xung đột về lợi ích. Ví dụ như đảm bảo tính trung thực của các báo cáo tài chính và phi tài chính, xem xét lại các giao dịch liên quan tới bên thứ ba, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý chủ chốt và thù lao cho Hội đồng Quản trị.</p>
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>2. Khi các ủy ban của Hội đồng Quản trị được thành lập, thẩm quyền, thành phần và quy trình hoạt động của các ủy ban phải được Hội đồng Quản trị quy định và công bố rõ ràng.</p> <p>Trong khi việc sử dụng các ủy ban có thể nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Quản trị thì các ủy ban này cũng đặt ra các câu hỏi về trách nhiệm tập thể của Hội đồng Quản trị và của từng cá nhân thành viên Hội đồng Quản trị. Vì vậy để đánh giá thành tích của các ủy ban, thị trường cần được cung cấp một bức tranh hoàn chỉnh và rõ ràng về mục đích, nhiệm vụ và thành phần của chúng. Thông tin như vậy đặc biệt quan trọng ở những nước nơi Hội đồng Quản trị thành lập Ủy ban Kiểm toán độc lập, có quyền giám sát mối quan hệ của công ty với đơn vị kiểm toán độc lập và hoạt động độc lập trong nhiều trường hợp. Các ủy ban khác của Hội đồng Quản trị bao gồm ủy ban đề cử và lương thưởng. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại và Hội đồng Quản trị nói chung cũng cần rõ ràng. Công bố thông tin không áp dụng cho những ủy ban được thành lập để giải quyết các giao dịch thương mại mật.</p>
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>2. Khi các ủy ban của Hội đồng Quản trị được thành lập, thẩm quyền, thành phần và quy trình hoạt động của các ủy ban phải được Hội đồng Quản trị quy định và công bố rõ ràng.</p> <p>Trong khi việc sử dụng các ủy ban có thể nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Quản trị thì các ủy ban này cũng đặt ra các câu hỏi về trách nhiệm tập thể của Hội đồng Quản trị và của từng cá nhân thành viên Hội đồng Quản trị. Vì vậy để đánh giá thành tích của các ủy ban, thị trường cần được cung cấp một bức tranh hoàn chỉnh và rõ ràng về mục đích, nhiệm vụ và thành phần của chúng. Thông tin như vậy đặc biệt quan trọng ở những nước nơi Hội đồng Quản trị thành lập Ủy ban Kiểm toán độc lập, có quyền giám sát mối quan hệ của công ty với đơn vị kiểm toán độc lập và hoạt động độc lập trong nhiều trường hợp. Các ủy ban khác của Hội đồng Quản trị bao gồm ủy ban đề cử và lương thưởng. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại và Hội đồng Quản trị nói chung cũng cần rõ ràng. Công bố thông tin không áp dụng cho những ủy ban được thành lập để giải quyết các giao dịch thương mại mật.</p>
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>2. Khi các ủy ban của Hội đồng Quản trị được thành lập, thẩm quyền, thành phần và quy trình hoạt động của các ủy ban phải được Hội đồng Quản trị quy định và công bố rõ ràng.</p> <p>Trong khi việc sử dụng các ủy ban có thể nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Quản trị thì các ủy ban này cũng đặt ra các câu hỏi về trách nhiệm tập thể của Hội đồng Quản trị và của từng cá nhân thành viên Hội đồng Quản trị. Vì vậy để đánh giá thành tích của các ủy ban, thị trường cần được cung cấp một bức tranh hoàn chỉnh và rõ ràng về mục đích, nhiệm vụ và thành phần của chúng. Thông tin như vậy đặc biệt quan trọng ở những nước nơi Hội đồng Quản trị thành lập Ủy ban Kiểm toán độc lập, có quyền giám sát mối quan hệ của công ty với đơn vị kiểm toán độc lập và hoạt động độc lập trong nhiều trường hợp. Các ủy ban khác của Hội đồng Quản trị bao gồm ủy ban đề cử và lương thưởng. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại và Hội đồng Quản trị nói chung cũng cần rõ ràng. Công bố thông tin không áp dụng cho những ủy ban được thành lập để giải quyết các giao dịch thương mại mật.</p>
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	<p>QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016)</p> <p>C.3.1. HĐQT phải đảm bảo để tối thiểu một thành viên của Ủy ban Kiểm toán có kinh nghiệm tài chính cập nhật và có liên quan.</p>

E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm ?	Vì nhiều trong số các trách nhiệm chính của Ủy ban Kiểm toán có liên quan đến kế toán, như giám sát báo cáo tài chính và kiểm toán, điều quan trọng là phải có nhân sự có chuyên môn về kế toán, chứ không chỉ chuyên môn về tài chính nói chung.
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016) C.3.6 Ủy ban Kiểm toán phải có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập. Nếu HĐQT không chấp thuận khuyến nghị của Ủy ban Kiểm toán, điều này phải được ghi rõ trong báo cáo thường niên, và trong bất kỳ giấy tờ nào khuyến nghị về việc bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, tuyên bố của Ủy ban Kiểm toán giải thích khuyến nghị và nên ghi rõ lý do tại sao HĐQT có quan điểm khác.

E.3 Quy trình HĐQT		Tham chiếu nguyên tắc
Hợp và tham dự họp HĐQT		
E.3.1	Hợp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	Lập kế hoạch họp HĐQT trước hoặc khi bắt đầu năm sẽ cho phép thành viên HĐQT có kế hoạch trước để tham dự các cuộc họp đó, nhờ đó giúp tối đa hóa sự tham gia, đặc biệt là của thành viên HĐQT không điều hành vì những thành viên này thường có các cam kết khác. Hợp bất thường bổ sung có thể được lên kế hoạch nếu và khi cần thiết. Thường HĐQT ở các thị trường phát triển <u>lập kế hoạch họp theo cách này</u> .
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	NGUYÊN TẮC NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 (VI.I.24) HĐQT có họp tối thiểu sáu lần mỗi năm?
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E) 3. Hội đồng Quản trị phải có khả năng đưa ra phán quyết độc lập, khách quan về các vấn đề của công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị phải cam kết thực hiện các trách nhiệm của mình một cách hiệu quả. Những hạn chế cụ thể có thể ít quan trọng hơn việc bảo đảm rằng thành viên HĐQT có sự hợp pháp và tin tưởng của cổ đông. Có thể tạo điều kiện đạt được sự hợp pháp bằng cách công bố hồ sơ tham dự của từng thành viên HĐQT (vd: liệu họ có không tham dự số lượng đáng kể các cuộc họp) và bất kỳ công việc nào khác được thực hiện thay mặt HĐQT và thù lao liên quan.
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	NGUYÊN TẮC NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 (VI.I.28) Có yêu cầu về số đại biểu tối thiểu bao gồm ít nhất 2/3 để các quyết định HĐQT có hiệu lực?
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	NGUYÊN TẮC NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 (VI.E.1.6) Khung quản trị công ty yêu cầu hay khuyến khích HĐQT tiến hành các phiên điều hành? Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E) Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có thể có đóng góp quan trọng cho việc ra quyết định của Hội đồng Quản trị. Họ có thể đem lại cái nhìn khách quan cho đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Ngoài ra, họ có thể có vai trò quan trọng trong các lĩnh vực nơi lợi ích của ban lãnh đạo, công ty và cổ đông bất đồng, ví dụ thù lao cho cán bộ quản lý, kế hoạch kế nhiệm, thay đổi quyền kiểm soát công ty, các biện pháp chống đầu độc, đầu độc lớn và kiểm toán. Để thực hiện được vai trò này, Hội đồng Quản trị cần tuyên bố những người được coi là độc lập và tiêu chí xác định tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị. Một số khu vực pháp lý cũng yêu cầu các cuộc họp riêng biệt của thành viên HĐQT độc lập trên cơ sở định kỳ.
Tiếp cận thông tin		

E.3.6	Vấn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (F) Để thực hiện trách nhiệm của mình, thành viên Hội đồng Quản trị phải được tiếp cận với thông tin chính xác, phù hợp và kịp thời.</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị phải được tiếp cận kịp thời với thông tin phù hợp để hỗ trợ quá trình ra quyết định. Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành thường không được tiếp cận các thông tin giống như các cán bộ quản lý cấp cao trong công ty. Đóng góp của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành đối với công ty có thể được cải thiện bằng việc cho họ cơ hội tiếp cận với các cán bộ quản lý cấp cao nhất định trong công ty, ví dụ, thư ký công ty và nhân viên kiểm toán nội bộ, hay sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập bên ngoài do công ty chi trả. Để thực hiện được trách nhiệm của mình, thành viên Hội đồng Quản trị phải đảm bảo rằng họ được tiếp cận thông tin chính xác, phù hợp và kịp thời.</p> <p>NGUYÊN TẮC NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 (VI.F.2) Thông tin như vậy có cần được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước cuộc họp HĐQT?</p>
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (F) Để thực hiện trách nhiệm của mình, thành viên Hội đồng Quản trị phải được tiếp cận với thông tin chính xác, phù hợp và kịp thời.</p> <p>Hướng dẫn của ICSA về Vai trò Quản trị Công ty của Thư ký Công ty</p>
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	<p>NGUYÊN TẮC NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 (VI.D.2.12) HĐQT công ty có thư ký chuyên nghiệp và có năng lực?</p>
Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT		
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) 4. Để cải tiến quá trình bầu cử hơn nữa, Nguyên tắc Quản trị Công ty OECD cũng đòi hỏi phải công bố đầy đủ kinh nghiệm và lai lịch của các ứng cử viên Hội đồng Quản trị và quy trình đề cử, giúp cung cấp đầy đủ thông tin cho việc đánh giá năng lực và sự phù hợp của từng ứng cử viên.</p>
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	
E.3.11	<p>Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm² một lần?</p> <p>²Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011</p>	<p>ICGN: 3.6 Bầu cử Việc bầu thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT phải nhận thức được trách nhiệm của mình đối với cổ đông, và nhiều quốc gia có cơ chế để đảm bảo điều này trên cơ sở thường xuyên. Tuy nhiên, có một số thị trường nơi trách nhiệm như vậy ít rõ ràng hơn và ở những thị trường này, mỗi thành viên HĐQT phải được bầu hàng năm. Ở những nơi khác, thành viên HĐQT phải được bầu tối thiểu ba năm một lần, mặc dù phải được đánh giá thường xuyên hơn. Cổ đông phải có một cuộc bỏ phiếu riêng về việc bầu cử của từng giám đốc, với mỗi ứng cử viên được thông qua bằng đa số phiếu bầu.</p> <p>NGUYÊN TẮC NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 (VI.I.18) Việc bầu lại thành viên HĐQT có thể được xếp xen kẽ theo thời gian? (HĐQT xen kẽ là trường hợp chỉ một phần của HĐQT được bầu lại trong mỗi đợt, vd: chỉ 1/3 số thành viên</p>
Các vấn đề thù lao		

E.3.12	<p>Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD?</p>	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>4. Gắn mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và Hội đồng Quản trị với lợi ích lâu dài của công ty và cổ đông.</p> <p>Ngày càng có nhiều quốc gia coi việc Hội đồng Quản trị xây dựng và công bố chính sách thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao là thông lệ tốt. Việc công bố chính sách như vậy xác định mối quan hệ giữa mức thù lao và hiệu quả, đưa ra các tiêu chuẩn có thể đo lường được, nhấn mạnh lợi ích lâu dài của công ty hơn là các cân nhắc ngắn hạn. Công bố chính sách thù lao nói chung thường đặt ra các điều kiện trả lương cho các hoạt động ngoài công tác quản lý cho thành viên Hội đồng Quản trị như tư vấn. Bản công bố cũng thường xác định các điều khoản về nắm giữ và mua bán cổ phiếu của công ty mà thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao phải tuân thủ, và các thủ tục cần thực hiện trong việc thưởng hay định giá lại quyền mua cổ phiếu. Ở một số quốc gia, chính sách thù lao cũng đề cập đến khoản tiền lương phải trả khi chấm dứt hợp đồng với một cán bộ quản lý.</p>
E.3.13	<p>Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?</p>	<p>QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016)</p> <p>D.1.3 Mức thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành phải phản ánh cam kết về thời gian và trách nhiệm của vị trí đó.</p> <p>Việc công bố cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành cho phép cổ đông đánh giá xem liệu những thành viên HĐQT này có được chi trả thù lao một cách phù hợp, chẳng hạn như liệu họ có được trả tiền để tiếp nhận thêm trách nhiệm và đóng góp, như đóng vai trò chủ tịch các ủy ban.</p>
E.3.14	<p>Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?</p>	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>4. Hội đồng Quản trị phải thực hiện các chức năng chủ yếu, trong đó bao gồm việc gắn mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và Hội đồng Quản trị với lợi ích lâu dài của công ty và cổ đông.</p> <p>ICGN 6.1: Gắn kết thù lao với mục tiêu:</p> <p>Thù lao phải được thiết kế hiệu quả để gắn kết lợi ích của Giám đốc và quản lý chủ chốt với lợi ích của công ty và cổ đông. Thù lao phải hợp lý và công bằng và mức thù lao phải được quyết định trong bối cảnh của công ty một cách toàn diện.</p>

E.3.15	<p>Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deferred bonus)?</p>	<p>QUY ĐỊNH CỦA ASX (2016)</p> <p>Điều 8.2: Hướng dẫn thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành. Các công ty có thể thấy hữu ích khi cân nhắc những vấn đề sau khi xem xét thù lao của thành viên HĐQT không điều hành:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên HĐQT không điều hành thường được trả công bằng hình thức trả thù lao, theo hình thức tiền, trợ cấp không phải bằng tiền, đóng góp hưu trí hay đóng góp lương chuyển thành vốn; Thành viên HĐQT không điều hành thường không tham gia vào các chương trình được thiết kế cho thù lao của cán bộ điều hành. 2. Thành viên HĐQT không điều hành không được nhận các quyền chọn hoặc khoản tiền thưởng. 3. Thành viên HĐQT không điều hành không nên được hưởng lương hưu ngoài phụ cấp hưu trí. <p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>4 Gắn mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và Hội đồng Quản trị với lợi ích lâu dài của công ty và cổ đông.</p> <p>Điều được coi là thông lệ tốt ở ngày càng nhiều công ty là chính sách thù lao và hợp đồng tuyển dụng đối với thành viên Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý chủ chốt được quản lý bởi một ủy ban đặc biệt của Hội đồng Quản trị bao gồm toàn bộ hoặc đa số các thành viên độc lập. Ngoài ra ủy ban lương thưởng này cũng cần loại trừ các cán bộ quản lý hoạt động trong ủy ban lương thưởng của nhau trong các hội đồng quản trị khác, vì việc này có thể dẫn tới xung đột lợi ích.</p>
Kiểm toán Nội bộ		
E.3.16	<p>Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?</p>	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>7. Việc đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo và giám sát buộc Hội đồng Quản trị phải thiết lập và thực thi đầy đủ việc phân chia và thực hiện trách nhiệm rõ ràng trong công ty. Hội đồng Quản trị cũng cần đảm bảo sự giám sát phù hợp đối với các lãnh đạo cấp cao trong công ty. Một cách để thực hiện việc này là thông qua hệ thống kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp lên Hội đồng Quản trị.</p>
E.3.17	<p>Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?</p>	<p>Các công ty thường công bố rằng họ có kiểm toán nội bộ nhưng trên thực tế, chức năng này đôi khi chỉ tồn tại mang tính hình thức chứ không thực chất. Ví dụ, chức năng kiểm toán nội bộ có thể được giao cho một người cũng có trách nhiệm đối với hoạt động khác. Vì kiểm toán nội bộ không chịu ràng buộc của các quy định, không như kiểm toán độc lập, có các công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ thuê ngoài, tức là không hoàn toàn có đủ năng lực để làm dịch vụ đó. Việc công bố danh tính của người đứng đầu bộ phận kiểm toán nội bộ hay nhà cung cấp dịch vụ độc lập sẽ tạo ra mức độ bảo đảm nhất định rằng hoạt động kiểm toán nội bộ mang tính thực chất.</p>

E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	<p>Nguyên tắc G20/OECD VI (D)</p> <p>7. Ở một số quốc gia, được coi là thông lệ tốt khi kiểm toán viên nội bộ báo cáo cho Ủy ban Kiểm toán độc lập của Hội đồng Quản trị hoặc bộ phận tương đương chịu trách nhiệm quản lý mối quan hệ với đơn vị kiểm toán độc lập, qua đó cho phép Hội đồng Quản trị đưa ra được phản hồi tổng hợp.</p> <p>NGUYÊN TẮC NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6</p> <p>(VI.D.7.9) Kiểm toán nội bộ có được tiếp cận trực tiếp và không bị giới hạn với thành viên HĐQT và Ủy ban Kiểm toán độc lập của HĐQT?</p> <p>QUI ĐỊNH CỦA ASX (2016)</p> <p>Nguyên tắc 4: Đảm bảo tính trung thực trong các báo cáo của công ty</p> <p>Khuyến nghị 4.1:</p> <p>Nếu công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ, cần đảm bảo tính chính trực trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> - bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ; - phạm vi và tính hợp lý của kế hoạch kiểm toán nội bộ; và - mục tiêu và hiệu quả của bộ phận kiểm toán nội bộ.
Giám sát rủi ro		
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>7. Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của công ty, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập, và bảo đảm rằng các hệ thống kiểm soát phù hợp luôn hoạt động, đặc biệt là các hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính và hoạt động, tuân thủ theo pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan.</p> <p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>1. Một lĩnh vực ngày càng có tầm quan trọng đối với Hội đồng Quản trị và có liên quan chặt chẽ với chiến lược của công ty là chính sách rủi ro. Chính sách này sẽ liên quan đến việc xác định loại hình và mức độ rủi ro mà một công ty sẵn sàng chấp nhận để đạt được mục tiêu của mình. Vì vậy nó là nguyên tắc chỉ đạo quản lý sống còn cho cơ quan quản lý công ty trong quản trị rủi ro để đáp ứng kỳ vọng của công ty.</p>
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	<p>QUI ĐỊNH CỦA ANH (2016)</p> <p>C.2.3 Tối thiểu hàng năm, HĐQT phải tiến hành đánh giá hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của công ty và phải báo cáo cho cổ đông về việc đã thực hiện công việc này. Việc đánh giá phải bao gồm mọi chốt kiểm soát trọng yếu, bao gồm kiểm soát về tài chính, hoạt động, và tuân thủ.</p>
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A)</p> <p>7. Yếu tố rủi ro có thể tiên liệu.</p> <p>Công bố rủi ro hiệu quả nhất khi nó được thực hiện phù hợp với bản chất của mỗi ngành kinh doanh cụ thể. Công bố thông tin về hệ thống giám sát và quản lý rủi ro ngày càng được coi là thông lệ tốt</p>

E.3.22	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>7. Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của công ty, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập, và bảo đảm rằng các hệ thống kiểm soát phù hợp luôn hoạt động, đặc biệt là các hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính và hoạt động, tuân thủ theo pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan.</p> <p>Ở một số quốc gia, được coi là thông lệ tốt khi kiểm toán viên nội bộ báo cáo cho Ủy ban Kiểm toán độc lập của Hội đồng Quản trị hoặc bộ phận tương đương chịu trách nhiệm quản lý mối quan hệ với đơn vị kiểm toán độc lập, qua đó cho phép Hội đồng Quản trị đưa được phản hồi tổng hợp. Việc ủy ban này hay bộ phận tương đương xem xét và báo cáo cho Hội đồng Quản trị các chính sách kế toán quan trọng nhất làm cơ sở cho báo cáo tài chính cũng cần phải coi là thông lệ tốt. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm cuối cùng đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo. Một số quốc gia quy định Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải báo cáo về quy trình kiểm soát nội bộ.</p>
--------	---	--

E.4 Nhân sự trong HĐQT		Tham chiếu nguyên tắc
Chủ tịch HĐQT		
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGĐ?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E) Hội đồng Quản trị phải có khả năng đưa ra phán quyết độc lập, khách quan về các vấn đề của công ty</p> <p>Ở một số quốc gia có hệ thống Hội đồng Quản trị một cấp, tính khách quan của Hội đồng Quản trị và tính độc lập với Ban Giám đốc có thể được tăng cường bằng việc tách rời vai trò của Giám đốc Điều hành và Chủ tịch Hội đồng Quản trị, hoặc, nếu hai vai trò này kết hợp với nhau, thì bằng việc chỉ định một thành viên Hội đồng Quản trị đứng đầu không điều hành để triệu tập hoặc chủ trì các phiên họp của các Thành viên Hội đồng Quản trị bên ngoài. Việc tách rời hai vị trí có thể coi là thông lệ tốt vì giúp cân bằng quyền lực, tăng trách nhiệm và nâng cao năng lực ra quyết định độc lập của Hội đồng Quản trị với Ban Giám đốc.</p>
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	<p>Quy định QTCT của Anh (2016)</p> <p>A.3.1 Khi được bổ nhiệm, Chủ tịch HĐQT phải đáp ứng các tiêu chí về độc lập quy định tại mục B.1.1 dưới đây. Giám đốc điều hành không nên đồng thời là chủ tịch HĐQT của cùng công ty. Nếu, trong trường hợp ngoại lệ, HĐQT quyết định rằng giám đốc điều hành trở thành chủ tịch HĐQT, HĐQT phải tham khảo ý kiến cổ đông lớn trước khi thực hiện và phải đưa ra lý do cho cổ đông tại thời điểm bổ nhiệm và trong báo cáo thường niên tiếp theo.</p>
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	<p>Quy định QTCT của ASX (2016)</p> <p>Khuyến nghị 2.5</p> <p>Tổng giám đốc điều hành không nên trở thành chủ tịch của cùng công ty. Nguyên Tổng giám đốc điều hành không đủ tiêu chuẩn để trở thành thành viên HĐQT “độc lập” trừ khi có giai đoạn tối thiểu ba năm từ khi ngừng hợp đồng lao động với công ty và phục vụ cho HĐQT.</p>

E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của chủ tịch có được công bố công khai?	<p>ICGN (2014): Vai trò của Chủ tịch</p> <p>Chủ tịch có chức năng quan trọng trong việc xác định nội dung chương trình họp HĐQT, cung cấp thông tin cho thành viên HĐQT, và tổ chức thảo luận giữa các thành viên HĐQT, cho phép thành viên HĐQT tranh luận và thảo luận hiệu quả và cung cấp những chất vấn mang tính xây dựng mà công ty cần có. Chủ tịch phải nỗ lực tạo ra và duy trì văn hoá cởi mở và chất vấn mang tính xây dựng cho phép thể hiện các quan điểm đa dạng... Chủ tịch cũng phải sẵn sàng đối thoại với cổ đông về những vấn đề quan trọng trong quản trị công ty và khi cổ đông có các lo ngại cụ thể.</p>
-------	--	---

Trưởng thành viên HĐQT độc lập

E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	<p>King Code 2009</p> <p>2. Hội đồng quản trị</p> <p>Vai trò và chức năng của hội đồng quản trị - Chủ tịch HĐQT nên là thành viên độc lập - không điều hành. Giám đốc điều hành của công ty không nên đóng vai trò như chủ tịch HĐQT</p> <p>2.16.3 Một thành viên HĐQT độc lập lãnh đạo phải được bổ nhiệm trong trường hợp Chủ tịch là thành viên điều hành hoặc Chủ tịch là thành viên không độc lập hoặc mâu thuẫn.</p> <p>ICGN (2014): 2.2 Trưởng thành viên HĐQT độc lập</p> <p>Chủ tịch nên là thành viên HĐQT độc lập vào ngày bổ nhiệm. Nếu chủ tịch không độc lập, công ty nên áp dụng một cấu trúc thích hợp để giảm thiểu những rủi ro tiềm năng phát sinh, chẳng hạn như chỉ định một Trưởng thành viên HĐQT độc lập. HĐQT nên giải thích lý do tại sao cơ cấu lãnh đạo này là phù hợp và thường xuyên đánh giá tính phù hợp của cấu trúc này. Trưởng nhóm thành viên độc lập cần đóng vai trò như là một kênh truyền thông đáng tin cậy đối với cổ đông và thành viên khác trong việc thảo luận những quan ngại liên quan đến chủ tịch.</p>
-------	--	---

Kỹ năng và năng lực

E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	<p>ICGN (2014): 3.1 Cấu trúc HĐQT</p> <p>HĐQT nên bao gồm phần lớn thành viên không điều hành, và phần lớn thành viên độc lập, và điều này có thể thay đổi một cách hợp pháp tùy theo tiêu chuẩn trong các công ty kiểm soát, nơi mà hầu hết HĐQT được xem là độc lập. Cần có sự kết hợp đầy đủ của các cá nhân với kiến thức, độc lập, năng lực, kinh nghiệm trong ngành và sự đa dạng của các quan điểm để tạo ra thách thức, thảo luận và ra quyết định khách quan một cách hiệu quả.</p>
-------	---	---

E.5 Hiệu quả HĐQT		Tham chiếu nguyên tắc
Phát triển thành viên HĐQT		
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?	Nội dung này có trong phần lớn các quy tắc quản trị công ty.
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>3. Thành viên Hội đồng Quản trị phải cam kết thực hiện các trách nhiệm của mình một cách hiệu quả.</p> <p>Để cải thiện hoạt động và hiệu quả của thành viên Hội đồng Quản trị, ngày càng nhiều quốc gia khuyến khích các công ty tham gia đào tạo Hội đồng Quản trị và tiến hành công tác tự đánh giá một cách tự nguyện, đáp ứng yêu cầu của từng công ty. Việc đào tạo này giúp cho thành viên Hội đồng Quản trị thu thập được các kỹ năng cần thiết sau khi được bổ nhiệm, và sau đó tiếp tục cập nhật các vấn đề mới thông qua đào tạo trong công ty hay các chương trình đào tạo bên ngoài.</p>
Bổ nhiệm và Hiệu quả của TGD/Ban điều hành		

E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGĐ/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>3. Lựa chọn, thù lao, giám sát và thay thế các cán bộ quản lý then chốt khi cần thiết và giám sát kế hoạch chọn người kế nhiệm.</p> <p>Trong hệ thống Hội đồng Quản trị hai cấp, Ban Kiểm soát cũng chịu trách nhiệm bổ nhiệm Ban Giám đốc, ban này thường bao gồm đa số các cán bộ quản lý cấp cao.</p>
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGĐ/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>2. Giám sát hiệu quả các thực tiễn quản trị công ty và thực hiện các thay đổi khi cần thiết.</p> <p>Việc Hội đồng Quản trị giám sát quản trị công ty cũng bao gồm việc đánh giá liên tục cơ cấu nội bộ của công ty để đảm bảo phân định phạm vi trách nhiệm rõ ràng cho công tác quản lý trong công ty. Ngoài việc quy định giám sát và công bố các thông lệ quản trị công ty thường xuyên, một số quốc gia đã tiến tới khuyến nghị hay yêu cầu Hội đồng Quản trị tự đánh giá hiệu quả của họ cũng như yêu cầu đánh giá hiệu quả của từng cá nhân thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc Điều hành/Chủ tịch</p>
Đánh giá HĐQT		
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	<p>Nguyên tắc OECD VI (D)</p> <p>2. Giám sát hiệu quả các thực tiễn quản trị công ty và thực hiện các thay đổi khi cần thiết.</p> <p>Nguyên tắc OECD VI (E)</p> <p>4. HĐQT nên thường xuyên tiến hành đánh giá các hoạt động của họ và đánh giá liệu họ có sự kết hợp đầy đủ giữa nền tảng và năng lực phù hợp.</p> <p>Để cải thiện các hoạt động của HĐQT và hiệu quả hoạt động của các thành viên, ngày càng có nhiều khu vực pháp lý khuyến khích các công ty tham gia vào việc đào tạo và đánh giá hội đồng một cách tự nguyện để đáp ứng nhu cầu của từng công ty.</p>
Đánh giá thành viên HĐQT		
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>2. Giám sát hiệu quả các thực tiễn quản trị công ty và thực hiện các thay đổi khi cần thiết.</p> <p>Nguyên tắc OECD VI (E)</p> <p>4. HĐQT nên thường xuyên tiến hành đánh giá các hoạt động của họ và đánh giá liệu họ có sự kết hợp đầy đủ giữa nền tảng và năng lực phù hợp.</p> <p>Để cải thiện các hoạt động của HĐQT và hiệu quả hoạt động của các thành viên, ngày càng có nhiều khu vực pháp lý khuyến khích các công ty tham gia vào việc đào tạo và đánh giá hội đồng một cách tự nguyện để đáp ứng nhu cầu của từng công ty.</p>
Đánh giá tiểu ban		
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	<p>QUY TẮC CỦA ANH (2016)</p> <p>B.6 Đánh giá: HĐQT phải thực hiện đánh giá chính thức và nghiêm ngặt về hiệu quả của chính HĐQT và các ủy ban thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT.</p>

CÂU HỎI CẤP 2

CÂU HỎI THƯỜNG

(B)A. Quyền của cổ đông

(B)A.1 Quyền tham gia hiệu quả vào và biểu quyết trong đại hội đồng cổ đông được thông báo trong các quy định, bao gồm thủ tục biểu quyết diễn ra trong đại hội đồng cổ đông.	
(B)A.1.1 Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại đại hội cổ đông?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C)</p> <p>5. Cổ đông có thể biểu quyết trực tiếp hay vắng mặt và việc biểu quyết trực tiếp hay vắng mặt đều có hiệu lực ngang nhau.</p> <p>5. Cổ đông có thể biểu quyết trực tiếp hay vắng mặt và việc biểu quyết trực tiếp hay vắng mặt đều có hiệu lực ngang nhau.</p> <p>Với mục tiêu thúc đẩy sự tham gia của cổ đông, các quốc gia và/hoặc các công ty nên tận dụng công nghệ thông tin trong biểu quyết, kể cả việc biểu quyết điện tử có bảo mật ở tất cả các công ty niêm yết. Bộ Nguyên tắc khuyến nghị chấp thuận biểu quyết qua đại diện được uỷ quyền. Trên thực tế, việc nhà đầu tư có thể tin tưởng biểu quyết qua đại diện uỷ quyền do họ chỉ định là rất quan trọng đối với việc</p>

(B)B. Đối xử công bằng với cổ đông	
(B)B.1 Thông báo ĐHCĐ	
(B)B.1.1 Công ty có ra thông báo về ĐHCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C)</p> <p>1. Cổ đông cần được thông tin đầy đủ và kịp thời về thời gian, địa điểm và chương trình của các Đại hội đồng cổ đông cũng như thông tin đầy đủ và kịp thời về các vấn đề cần được thông qua tại các đại hội này.</p> <p>3. Phải tạo điều kiện để cổ đông tham gia hiệu quả vào việc ra các quyết định quản trị quan trọng của công ty, ví dụ việc đề cử và bầu chọn thành viên Hội đồng Quản trị..</p> <p>Nguyên tắc OECD III (A)</p> <p>ICGN 8.3.2 Tham gia của cổ đông vào công tác quản trị Cổ đông phải có quyền tham gia vào quyết định quản trị quan trọng của công ty, như quyền đề cử, bổ nhiệm, và miễn nhiệm từng thành viên HĐQT và cũng có quyền chỉ bổ nhiệm kiểm toán viên độc lập.</p> <p>ICGN 8.4.1 Quyền sở hữu của cổ đông Phải tạo điều kiện cho việc thực thi quyền sở hữu của cổ đông bởi tất cả cổ đông, bao gồm việc thông báo kịp thời và đầy đủ về tất cả các vấn đề được đề xuất cho cổ đông biểu quyết.</p> <p>CLSA-ACGA (2010) Theo dõi QTCT 2010 - Phụ lục 2 (I) Quy định và thông lệ quản trị (25) Công ty có đưa ra thông báo về ĐHCĐ (có chương trình chi tiết và các dự thảo kèm giải thích) tối thiểu 28 ngày trước ngày đại hội?</p>

(B)C. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan	
(B)C.1 Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng	
(B)C.1.1 Công ty có thực hiện khuôn khổ báo cáo được quốc tế công nhận về phát triển bền vững (nghĩa là GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB) không?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV: Vai trò của bên liên quan</p> <p>Khuôn khổ quản trị công ty phải công nhận quyền của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật hay quan hệ hợp đồng qui định và phải khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo dựng tài sản, việc làm và sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp vững mạnh về tài chính</p>

(B)D. Công bố thông tin và minh bạch	
(B)D.1 Chất lượng báo cáo thường niên	
(B)D.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?
	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A)</p> <p>1. Kết quả tài chính và hoạt động của công ty. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho thấy hiệu quả kinh tế và tình hình tài chính của công ty (thường bao gồm bảng cân đối kế toán, bảng kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính) là nguồn thông tin về công ty được sử dụng rộng rãi nhất.</p> <p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (E) ICGN 7.2 Công bố thông tin kịp thời ICGN 7.3 Khẳng định về Báo cáo Tài chính Thành viên HĐQT và lãnh đạo công ty phải khẳng định tối thiểu hàng năm về tính chính xác của Báo cáo Tài chính của công ty.</p>
(B)D.1.2	Công ty có công bố chi tiết về thù lao của TGD?
	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A)</p> <p>4. Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao</p> <p>Công bố thông tin về từng thành viên (kể cả các điều khoản về chấm dứt hợp đồng và hưu trí) ngày càng được coi là thông lệ tốt và được coi là bắt buộc ở nhiều quốc gia.</p>

(B)E. Trách nhiệm của HĐQT	
(B)E.1 Năng lực và sự Đa dạng của HĐQT	
(B)E.1.1	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập là nữ?
	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>4. Các quốc gia có thể muốn xem xét các biện pháp như mục tiêu tự nguyện, yêu cầu công bố thông tin, hạn ngạch trong hội đồng quản trị và các sáng kiến cá nhân nhằm tăng cường sự đa dạng về giới tính trong HĐQT và trong quản lý cấp cao</p>
(B)E.1.2	Công ty có công bố chính sách và các mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được?
	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>(4) Các quốc gia có thể muốn xem xét các biện pháp như mục tiêu tự nguyện, yêu cầu công bố thông tin, hạn ngạch trong hội đồng quản trị và các sáng kiến cá nhân nhằm tăng cường sự đa dạng về giới tính trong HĐQT và trong quản lý cấp cao</p>
(B)E.2 Cấu trúc HĐQT	
(B)E.2.1	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT độc lập?
	<p>ICGN 2.4.4 Thành phần của các tiểu ban thuộc HĐQT</p> <p>Thành viên của những ủy ban thuộc HĐQT nên bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành, và trong trường hợp Ủy ban Kiểm toán và Thù lao, chỉ bao gồm thành viên HĐQT độc lập. Tất cả thành viên của ủy ban bổ nhiệm nên độc lập với ban điều hành và tối thiểu đa số phải độc lập với chủ sở hữu chi phối</p>

(B)E.2.2	Tiểu ban Nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của công ty?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>5. Đảm bảo sự nghiêm túc và minh bạch của quy trình đề cử và bầu Hội đồng Quản trị.</p> <p>Bộ Nguyên tắc này tăng cường vai trò tích cực của cổ đông trong việc đề cử và bầu chọn thành viên Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có vai trò then chốt trong việc đảm bảo vấn đề này và các khía cạnh khác của quy trình đề cử và bầu chọn Hội đồng Quản trị được tôn trọng. Mặc dù các thủ tục đề cử có thể khác nhau ở các quốc gia nhưng Hội đồng Quản trị hay ủy ban đề cử có một trách nhiệm đặc biệt là đảm bảo các thủ tục quy định minh bạch và được tôn trọng. Ngoài ra Hội đồng Quản trị có vai trò chính trong việc xác định các thành viên Hội đồng Quản trị tiềm năng có kiến thức, năng lực và chuyên môn phù hợp để bổ sung các kỹ năng hiện có của Hội đồng Quản trị, qua đó nâng cao khả năng gia tăng giá trị cho công ty.</p> <p>Một số quốc gia quy định quy trình tìm kiếm ứng cử viên phải mở rộng cho nhiều đối tượng khác nhau</p>
(B)E.3 Bổ nhiệm và tái cử HĐQT		
(B)E.3.1	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài (như cơ sở dữ liệu thành viên HĐQT do các viện thành viên HĐQT hay hiệp hội cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên HĐQT?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>5. Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban Nhân sự có trách nhiệm xác định những ứng viên tiềm năng để đáp ứng các hồ sơ mong muốn và đề xuất với các cổ đông, và / hoặc xem xét các ứng cử viên đó được cổ đông thông qua với quyền đề cử. Có nhiều cuộc gọi cho quá trình tìm kiếm mở rộng đến nhiều người.</p> <p>NGUYÊN TẮC NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 (VI.1.21) HĐQT có thuê các công ty tìm kiếm khi đề xuất ứng cử viên cho HĐQT?</p>
(B)E.4 Cơ cấu & Thành phần HĐQT		
(B)E.4.1	Công ty có số thành viên HĐQT độc lập không điều hành chiếm trên 50% số thành viên HĐQT với chủ tịch là thành viên độc lập?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>1. Hội đồng Quản trị cần xem xét việc bổ nhiệm một số lượng đủ các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có khả năng đưa ra phán quyết độc lập đối với các vấn đề khi tiềm ẩn xung đột về lợi ích.</p>
(B)E.5 Quản lý rủi ro		
(B)E.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm họa, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho hội đồng quản trị?	<p>King Code 2009</p> <p>5. Quản trị công nghệ thông tin</p> <p>Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về quản lý công nghệ thông tin (IT)</p> <p>5.1.1. Hội đồng quản trị nên đảm nhận trách nhiệm cho quản trị CNTT và đặt nó vào chương trình nghị sự của hội đồng quản trị.</p> <p>5.1.2. Hội đồng quản trị cần đảm bảo rằng một điều khoản IT và các chính sách được thiết lập và thực hiện</p>
(B)E.6 Hiệu quả hoạt động của HĐQT		
(B)E.6.1	Công ty có Tiểu ban quản lý Rủi ro riêng biệt?	<p>ICGN 5.5 Tiểu ban Quản trị Rủi ro</p> <p>Trong khi trách nhiệm cuối cùng về cách tiếp cận quản lý rủi ro của công ty là với toàn bộ HĐQT, nhưng tiểu ban rủi ro (có thể là một tiểu ban rủi ro độc lập, một tiểu ban rủi ro kết hợp với đề cử và quản trị, chiến lược, kiểm toán hoặc khác) có thể là một cơ chế hiệu quả mang lại sự minh bạch, tập trung và đánh giá độc lập cần thiết để giám sát cách tiếp cận quản lý rủi ro của công ty.</p>

CÂU HỎI PHẠT

(P)A. Quyền của cổ đông

(P)A.1 Quyền cơ bản của cổ đông

Tham chiếu nguyên tắc

(P)A.1.1	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (A) Các quyền cơ bản của cổ đông bao gồm quyền được: 1) Đảm bảo các phương thức đăng ký quyền sở hữu; 2) Chuyển nhượng cổ phần; 3) Tiếp cận các thông tin liên quan và quan trọng về công ty một cách kịp thời và thường xuyên; 4) Tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; 5) Bầu và bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị; 6) Hưởng lợi nhuận của công ty.
(P)A.2 Cổ đông, bao gồm cả cổ đông tổ chức, phải được trao đổi với nhau về các vấn đề liên quan tới quyền cơ bản của cổ đông như nêu trong bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty này, trừ trường hợp ngoại lệ nhằm ngăn ngừa lạm dụng.		
(P)A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (G) Cổ đông, bao gồm cả cổ đông tổ chức, phải được trao đổi với nhau về các vấn đề liên quan tới quyền cơ bản của cổ đông như nêu trong bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty này, trừ trường hợp ngoại lệ nhằm ngăn ngừa lạm dụng.
(P)A.3 Quyền tham gia hiệu quả vào và biểu quyết trong đại hội đồng cổ đông và được thông báo về các quy định, bao gồm thủ tục biểu quyết diễn ra trong đại hội đồng cổ đông.		
(P)A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) 2. Các qui trình và thủ tục của Đại hội đồng cổ đông phải đảm bảo sự đối xử bình đẳng với mọi cổ đông. Các thủ tục của công ty không được gây khó dễ hoặc phát sinh chi phí không cần thiết cho các cổ đông.
(P)A.3.2	Chủ tịch HĐQT, chủ tịch tiêu ban kiểm toán và tổng giám đốc/giám đốc có tham dự ĐHĐCĐ mới nhất?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) ICGN 2.4.2 Thời gian cam kết Tất cả thành viên HĐQT cần có khả năng phân bổ thời gian một cách hiệu quả và tham dự Đại hội đồng cổ đông để gặp gỡ và giao tiếp trực tiếp với các cổ đông là trách nhiệm chủ yếu của tất cả thành viên và giám đốc điều hành.
(P)A.4 Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai.		
Công ty không công bố sự tồn tại của:		
(P)A.4.1	Thỏa thuận cổ đông?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (D) Các cổ đông, bao gồm cả cổ đông tổ chức, phải được trao đổi ý kiến với nhau về các vấn đề liên quan tới quyền cổ
(P)A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	
(P)A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	
(P)A.5 Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai.		
(P)A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu chéo có tồn tại không?	Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (D) D. Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai. Một số cơ cấu vốn cho phép cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu. Các cơ cấu kim tự tháp, sở hữu cổ phần chéo và cổ phần với quyền biểu quyết có giới hạn hoặc cổ phần với nhiều quyền biểu quyết có thể được sử dụng để giảm bớt khả năng tác động tới chính sách công ty của các cổ đông không có quyền kiểm soát.
(P)B. Đối xử công bằng với cổ đông		
(P)B.1 Cần ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân.		

(P)B.1.1	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, ban điều hành và nhân viên công ty trong ba năm qua?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) III: Đối xử công bằng với cổ đông (B) Phải cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân.</p> <p>ICGN 3.5 Mua bán cổ phiếu bởi nhân viên công ty Các công ty phải có quy định rõ ràng về việc thành viên HĐQT và nhân viên giao dịch chứng khoán của chính công ty. Ngoài những nội dung khác, quy định này phải đảm bảo để các cá nhân không được hưởng lợi từ những kiến thức không được phổ biến rộng rãi trên thị trường.</p> <p>ICGN 8.5 Quyền hành động của cổ đông ... Phải bảo vệ cổ đông thiểu số trước hành vi lạm dụng hoặc đàn áp.</p>
(P)B.2 Bảo vệ cổ đông thiểu số trước hành vi lạm dụng		
(P)B.2.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong ba năm trước không?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) III (B) Phải cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân</p> <p>ICGN 2.11.1 Giao dịch bên liên quan Các công ty phải có quy trình rà soát và giám sát mọi giao dịch bên liên quan. Một ủy ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập phải rà soát các giao dịch bên liên quan quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và xác định các điều khoản hợp lý.</p> <p>ICGN 2.11.2 Xung đột lợi ích của thành viên HĐQT Các công ty phải có quy trình xác định và quản lý xung đột lợi ích tiềm tàng của thành viên HĐQT. Nếu một thành viên HĐQT có lợi ích trong một vấn đề đang được HĐQT xem xét, khi đó thành viên HĐQT đó không nên tham gia thảo luận và HĐQT cần tuân thủ các quy trình phù hợp khác. Từng thành viên HĐQT phải có ý thức về nhận thức của cổ đông và công chúng và tìm cách tránh các tình huống xuất hiện xung đột lợi ích.</p> <p>ICGN 8.5 Quyền hành động của cổ đông Cổ đông phải có quyền hành động và được bồi thường có thể tiếp cận dễ dàng để đền bù cho hành vi đối xử không công bằng của công ty. Phải bảo vệ cổ đông thiểu số trước hành vi lạm dụng hoặc đàn áp.</p>
(P)B.2.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là công ty con?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) III (G) Các cổ đông thiểu số phải được bảo vệ khỏi các hành vi lạm dụng bởi hoặc vì lợi ích của các cổ đông kiểm soát một cách trực tiếp hay gián tiếp và phải có biện pháp khắc phục hiệu quả.</p>

(P)C. Vai trò của Các bên có quyền lợi liên quan

(P)C.1 Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.

(P)C.1.1	Có vi phạm luật pháp nào về các vấn đề lao động/việc làm/người tiêu dùng/phá sản/thương mại/cạnh tranh hay môi trường?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (A) Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.</p> <p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (D) (7) Các công ty cũng được khuyến nên thiết lập và đảm bảo hiệu quả của các chương trình kiểm soát nội bộ, đạo đức, và tuân thủ, hoặc các biện pháp để tuân thủ các luật, quy định và tiêu chuẩn áp dụng, bao gồm các tội hình sự, hối lộ của các viên chức nước ngoài theo yêu cầu của Công ước chống hối lộ OECD, và các hình thức hối lộ và tham nhũng khác. Hơn nữa, tuân thủ cũng phải liên quan đến các luật và quy định khác như chứng khoán, cạnh tranh và điều kiện làm việc và an toàn.</p>
(P)C.2 D. Khi các bên có quyền lợi liên quan tham gia vào quá trình quản trị công ty, họ phải được tiếp cận với thông tin phù hợp, đầy đủ và đáng tin cậy một cách kịp thời và thường xuyên.		
(P)C.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (B) Khi các bên có quyền lợi liên quan tham gia vào quá trình quản trị công ty, họ phải được tiếp cận với thông tin phù hợp, đầy đủ và đáng tin cậy một cách kịp thời và thường xuyên.</p>

(P)D. Công bố thông tin và minh bạch		
(P)D.1 Hình phạt của cơ quan quản lý liên quan đến báo cáo tài chính		
(P)D.1.1	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) V: Công bố thông tin và minh bạch (B) Thông tin phải được chuẩn bị và công bố phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng cao về công bố thông tin kế toán, tài chính và phi tài chính. (C) Kiểm toán hàng năm phải được tiến hành bởi được tiến hành bởi một đơn vị kiểm toán độc lập và đủ năng lực theo chuẩn mực kiểm toán chất lượng cao nhằm cung cấp ý kiến đánh giá độc lập và khách quan cho Hội đồng quản trị và các cổ đông, đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã thể hiện một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và hoạt động của công ty về mọi mặt chủ chốt. (D) Các đơn vị kiểm toán độc lập phải chịu trách nhiệm đối với cổ đông và có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm toán một cách chuyên nghiệp đối với công ty.</p> <p>ICGN 6.2 Kiểm toán hàng năm Kiểm toán hàng năm được thực hiện thay mặt cổ đông là một phần quan trọng trong việc kiểm soát và cân bằng cần thiết đối với một công ty. Kiểm toán phải cung cấp ý kiến độc lập và khách quan rằng Báo cáo Tài chính thể hiện</p>
(P)D.1.2	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	
(P)D.1.3	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	
(P)D.1.4	Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	

(P)E. Trách nhiệm của HĐQT		
(P)E.1 Tuân thủ quy định, quy tắc và luật hiện hành về niêm yết		

(P)E.1.1	<p>Có bằng chứng gì là công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về công bố thông tin?</p>	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)</p> <p>(7) Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của công ty, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập, và bảo đảm rằng các hệ thống kiểm soát phù hợp luôn hoạt động, đặc biệt là các hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính và hoạt động, tuân thủ theo pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan.</p> <p>Công ty nên xây dựng các chương trình và thủ tục nội bộ để tăng cường sự tuân thủ luật, quy định và chuẩn mực có liên quan, bao gồm luật chống hối lộ công chức nước ngoài được ban hành bởi Công ước Chống tham nhũng của OECD và các biện pháp kiểm soát hối lộ và tham nhũng khác. Ngoài ra, cũng cần phải tuân thủ các luật lệ và quy định khác như luật lệ về chứng khoán, cạnh tranh, điều kiện làm việc và an toàn lao động. Các chương trình tuân thủ như vậy cũng sẽ củng cố quy tắc đạo đức của công ty.</p>
(P)E.1.2	<p>Có trường hợp nào mà thành viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?</p>	<p>QUY ĐỊNH CỦA ANH</p> <p>A.4.3 Trường hợp thành viên HĐQT có lo ngại chưa giải quyết được về việc điều hành công ty hoặc hành động đề xuất, các thành viên HĐQT phải đảm bảo đề ý kiến của mình được ghi nhận trong biên bản họp HĐQT. Khi từ nhiệm, thành viên HĐQT không điều hành phải gửi văn bản cho chủ tịch, để chuyển cho HĐQT, nếu có những lo ngại như vậy</p>
<p>(P)E.2 Cấu trúc HĐQT</p>		
(P)E.2.1	<p>Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm¹ (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách?</p> <p>¹Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011</p>	<p>ICGN 3.3 Nhiệm kỳ</p> <p>Các thành viên không điều hành nên có thời gian để phục vụ HĐQT một cách hợp lý mà không ảnh hưởng đến sự độc lập của HĐQT. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên cần được xem xét thường xuyên bởi tiểu ban nhân sự để cho phép làm mới và đa dạng hóa HĐQT</p>
(P)E.2.2	<p>Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên HĐQT độc lập?</p>	<p>ICGN 2.5 Độc lập</p>
(P)E.2.3	<p>Công ty có bất kỳ thành viên HĐQT độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các công ty đại chúng?</p>	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>3. Thành viên Hội đồng Quản trị phải cam kết thực hiện các trách nhiệm của mình một cách hiệu quả.</p> <p>Tham gia vào quá nhiều Hội đồng Quản trị có thể ảnh hưởng tới hiệu quả của thành viên Hội đồng Quản trị. Công ty có thể yêu cầu xem xét liệu việc một cá nhân là thành viên của nhiều Hội đồng Quản trị có ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị hay không và công bố thông tin cho cổ đông.</p>
<p>(P)E.3 Kiểm toán Độc lập</p>		

(P)E.3.1	(Trong hai năm trước) Có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) V</p> <p>(C) Kiểm toán hàng năm phải được tiến hành bởi một đơn vị kiểm toán độc lập, có thẩm quyền và đủ năng lực nhằm cung cấp ý kiến đánh giá độc lập và khách quan cho Hội đồng Quản trị và các cổ đông, đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã thể hiện một cách trung thực tình hình tài chính và hoạt động của công ty về mọi khía cạnh trọng yếu.</p> <p>Ví dụ về các quy định khác để củng cố tính độc lập của kiểm toán bao gồm lệnh cấm hoàn toàn hoặc giới hạn khắt khe đối với bản chất của công việc không liên quan đến kiểm toán mà đơn vị kiểm toán thực hiện cho khách hàng kiểm toán của mình, luân chuyển bắt buộc kiểm toán viên (hoặc là thành viên hợp doanh hoặc trong một số trường hợp công ty hợp doanh kiểm toán), lệnh cấm tạm thời việc công ty được kiểm toán tuyển dụng người đã từng kiểm toán công ty mình, và cấm kiểm toán viên hoặc người có liên quan đến họ có một phần vốn hoặc giữ vai trò quản lý trong công ty họ kiểm toán.</p>
(P)E.4 Thành phần và cơ cấu HĐQT		
(P)E.4.1	Chủ tịch HĐQT có phải là TGD của công ty trong 3 năm qua không?	<p>Nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)</p> <p>HĐQT phải có khả năng đưa ra phán quyết độc lập, khách quan về các vấn đề của công ty.</p> <p>Ở một số quốc gia có hệ thống HĐQT một cấp, tính khách quan của HĐQT và tính độc lập với Ban Giám đốc có thể được tăng cường bằng việc tách rời vai trò của Giám đốc Điều hành và Chủ tịch HĐQT, hoặc, nếu hai vai trò này kết hợp với nhau, thì bằng việc chỉ định một thành viên HĐQT đứng đầu không điều hành để triệu tập hoặc chủ trì các phiên họp của các Thành viên HĐQT bên ngoài. Việc tách rời hai vị trí có thể coi là thông lệ tốt vì giúp cân bằng quyền lực, tăng trách nhiệm và nâng cao năng lực ra quyết định độc lập của HĐQT với Ban Giám đốc. Việc chỉ định một thành viên HĐQT đứng đầu không điều hành cũng được coi là thông lệ tốt trong trường hợp kết hợp hai chức danh Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Điều hành ở một số quốc gia. Những cơ chế như vậy góp phần đảm bảo quản trị công ty chất lượng cao và thực hiện có hiệu quả chức năng của HĐQT.</p>

(P)E.4.2	<p>Các thành viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?</p>	<p>QUY ĐỊNH CỦA ANH</p> <p>(D.1.3) Mức thù lao cho các thành viên không điều hành nên phản ánh thời gian cam kết và trách nhiệm của từng vai trò. Tiền thù lao cho các thành viên không điều hành không nên bao gồm các khoản thưởng năng lực tùy chọn, cổ phần hoặc các yếu tố khác liên quan đến hiệu quả hoạt động. Nếu có trường hợp ngoại lệ thì phải thông qua sự chấp thuận của cổ đông và bất kỳ cổ phần nào được mua bởi các tùy chọn phải được giữ cho đến ít nhất một năm sau khi thành viên không điều hành rời khỏi HĐQT. Việc nắm giữ các cổ phần tùy chọn có thể có liên quan đến việc xác định sự độc lập của thành viên không điều hành (như đã đề cập trong điều B.1.1).</p> <p>QUY ĐỊNH CỦA ASX</p> <p>Điều 8.2: Hướng dẫn thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành. Các công ty có thể thấy hữu ích khi cân nhắc những vấn đề sau khi xem xét thù lao của thành viên HĐQT không điều hành:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên HĐQT không điều hành thường được trả công bằng hình thức trả thù lao, theo hình thức tiền, trợ cấp không phải bằng tiền, đóng góp hưu trí hay đóng góp lương chuyển thành vốn; Thành viên HĐQT không điều hành thường không tham gia vào các chương trình được thiết kế cho thù lao của cán bộ điều hành. 2. Thành viên HĐQT không điều hành không được nhận các quyền chọn hoặc khoản tiền thưởng. 3. Thành viên HĐQT không điều hành không nên được hưởng lương hưu ngoài phụ cấp hưu trí.
----------	--	--